

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 tháng 02 năm 2018

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thu Hiền**;

2. Bà **Vương Thị Thu**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Duyên- Cán bộ TAND huyện Thanh Ba.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà

Đinh Thị Kim Dung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14 /2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị M** sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 8 xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: **Nguyễn Xuân L** sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 8 xã Đ, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Xuân L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn ngày 12/09/2005, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi kết hôn chị về làm dâu sống chung cùng gia đình anh L tại khu 8 xã Đ, tình cảm vợ chồng hòa thuận. Khoảng một năm sau khi kết hôn vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L hay rượu chè về đánh chửi chị. Từ tháng 6/2007 chị và con đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Được mọi người động viên nên vợ chồng quy về chung sống với

nhau khoảng nửa tháng. Tuy nhiên do anh L không thay đổi nên vợ chồng lại sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị xin ly hôn anh L.

Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Thị Thanh H sinh ngày 06/03/2006, hiện nay cháu sống cùng anh L. Khi ly hôn chị đề nghị giải quyết theo pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý nếu Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ, công sức vợ chồng chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã giao hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn là anh Nguyễn Xuân L vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai cũng như hoà giải vụ án giữa chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Xuân L được.

Tòa án đã lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Thanh H với sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Đ – bố đẻ anh L. Cháu H khai từ tháng 7/2017 cháu về sống với ông bà nội do chị L không quan tâm đến cháu. Nếu anh L chị M ly hôn cháu xin ở với bố. Ông Nguyễn Văn Đ- bố đẻ anh L thừa nhận từ năm 2007 chị M và anh L không chung sống cùng nhau. Cháu H hiện đang sống cùng gia đình ông. Việc hàn gắn tình cảm của anh chị là không thể và ông chấp nhận để cháu H sống cùng ông nhưng yêu cầu Tòa án đảm bảo quyền lợi cho cháu H được cấp dưỡng hàng tháng.

Qua xác minh tại địa phương anh L có hộ khẩu tại khu 8 xã Đ, sống cùng nhà với bố mẹ anh L là ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị D. Tuy nhiên anh L đi làm ăn không thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử từ khi nhận đơn, thụ lý, thông báo hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toàn đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51,56,58 Luật Hôn nhân gia đình, điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân L. Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H cho chị Mai trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị M. Về tài sản, công nợ, công sức không giải quyết trong vụ án này. Chị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M đã tiến hành các thủ tục báo gọi hai bên đến tòa án trình bày lời khai và hòa giải. Tòa án tiến hành gửi các văn bản tố tụng cho anh L. Gia đình anh L đã nhận và hứa thông báo cho anh L các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Xuân L là hôn nhân hợp pháp, được đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống trong thời gian ngắn đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, theo chị M trình bày vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay.

Anh Nguyễn Xuân L không có lời khai tại Tòa án. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã giao giấy triệu tập và các quyết định của Tòa án cho gia đình anh L nhận thay và cam kết sẽ giao cho anh L. Tòa án đã giao các giấy tờ theo đúng quy định của pháp luật, song anh L vẫn cố tình không có mặt tại Tòa án. Như vậy, có thể thấy rằng: Anh L có biết việc chị M xin ly hôn và có biết việc Tòa án triệu tập đến để làm việc nhưng anh L vẫn cố tình không có mặt là đương nhiên từ chối quyền và nghĩa vụ của anh, không thiện chí trong việc hòa giải để đoàn tụ vợ chồng. Mặt khác theo trình bày của chị M vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2007, không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa hôm nay cũng như nhiều lần khác, Tòa án đã triệu tập anh L nhiều lần nhưng không lần nào anh L có mặt, điều đó thể hiện việc anh L không hợp tác, không có trách nhiệm đối với việc duy trì hôn nhân, hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định rằng: Mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị M là chính đáng, nên xử cho chị M được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Con chung: Chị M và anh L có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh H sinh ngày 06/03/2006, hiện nay cháu sống cùng gia đình anh L. Khi ly hôn chị M yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, người không trực tiếp nuôi

con không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay nếu HĐXX giao cháu Hương cho chị nuôi dưỡng chị cũng đồng ý.

Xét yêu cầu phân chia người trực tiếp nuôi con chung của chị M là hoàn toàn chính đáng. Tại phiên tòa hôm nay anh L không có mặt để trình bày quan điểm về việc nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi anh L chị M ly hôn, cháu H có quan điểm xin ở với anh L. Hiện nay cháu H đang ở với bố mẹ đẻ anh L. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, có điều kiện tốt nhất để phát triển nên để chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra, do chị Mai do không yêu cầu.

[4]. Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình : Chị Nguyễn Thị M xác nhận đều không có. Do anh L vắng mặt nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị **Nguyễn Thị M** được ly hôn anh **Nguyễn Xuân L.**

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H sinh ngày 06/03/2006. Anh Nguyễn Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không đề cập giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu đương sự có đơn yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0003989 ngày 19/10/2017.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện
- THADS huyện
- UBND xã Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh